

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG NGÃI
**QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG,
PHÁT TRIỂN RỪNG VÀ PHÒNG,
CHỐNG THIÊN TAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QBVMTR-NV
V/v thực hiện trồng cây phân tán năm 2025 từ
nguồn tài trợ Quỹ trồng cây xanh

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: - UBND các xã: Đình Cương, Ba Tơ, Nguyễn Nghiêm
Ba Vinh, Sơn Tây Hạ, Sơn Hà, Mỏ Cày
Bình Chương, Ba Dinh, Trà Giang.

Triển khai thực hiện các Quyết định của UBND tỉnh: Số 80/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí, cây giống từ các tổ chức, cá nhân tài trợ Quỹ trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 163/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc Phê duyệt Phương án hỗ trợ trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 từ nguồn Quỹ trồng cây xanh;

Từ ngày 22 tháng 12 năm 2025 đến hết ngày 25 tháng 12 năm 2025 Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh (*Quỹ tỉnh*) đã phối hợp với Công ty TNHH Nông Lâm nghiệp BTN Cường Thịnh (*đơn vị cung cấp cây giống*) chuyển giao toàn bộ số lượng 73.970 cây giống (*trong đó cây Sao đen 51.123 cây; cây Lim xanh 22.847 cây*) để trồng cây phân tán theo Phương án được UBND tỉnh phê duyệt và theo Thông báo của Quỹ tỉnh ban hành ngày 05/11/2025⁽¹⁾ (*Danh sách cấp nhận cây giống theo phụ lục 01 đính kèm*).

Nhằm đảm bảo cây giống hỗ trợ được trồng đúng thời vụ và đúng yêu cầu kỹ thuật, Quỹ tỉnh đề nghị UBND các xã đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn đã nhận cây giống khẩn trương triển khai trồng cây và thực hiện đầy đủ các biện pháp kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo vệ để cây trồng sinh trưởng tốt (*Có hướng dẫn Kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo vệ theo phụ lục 02 đính kèm*).

Sau khi trồng 01 tháng hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, các đơn vị, tổ chức trên địa bàn xã báo cáo kết quả thực hiện theo mẫu (*Phụ lục 03 đính kèm*) gửi về UBND xã; UBND các xã tổng hợp báo cáo theo (*Phụ lục 03*

⁽¹⁾ Các thông báo của Quỹ tỉnh: Xã Sơn Hà tại Thông báo số 47/TB-QBVMTR ngày 05 tháng 11 năm 2025; xã Sơn Tây Hạ tại Thông báo số 48/TB-QBVMTR ngày 05 tháng 11 năm 2025; xã Nguyễn Nghiêm tại Thông báo số 49/TB-QBVMTR ngày 05 tháng 11 năm 2025; xã Bình Chương tại Thông báo số 50/TB-QBVMTR ngày 05 tháng 11 năm 2025; xã Mỏ Cày tại Thông báo số 51/TB-QBVMTR ngày 05 tháng 11 năm 2025; xã Trà Giang tại Thông báo số 52/TB-QBVMTR ngày 05 tháng 11 năm 2025; xã Ba Dinh tại Thông báo số 53/TB-QBVMTR ngày 05 tháng 11 năm 2025; xã Ba Vinh tại Thông báo số 54/TB-QBVMTR ngày 05 tháng 11 năm 2025; xã Đình Cương tại thông báo số 55/TB-QBVMTR ngày 05 tháng 11 năm 2025; xã Ba Tơ tại Thông báo số 56/TB-QBVMTR ngày 05 tháng 11 năm 2025.

đính kèm) gửi Quỹ tỉnh để tiến hành kiểm tra và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh kính đề nghị UBND các xã, tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Hạt kiểm lâm các khu vực III, VII, VIII, IX, X, XIV;
- Giám đốc (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, NV_(NTL).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Anh Tuấn

Phụ lục 01: Danh sách cấp nhận cây giống để trồng cây phân tán năm 2025 từ nguồn tài trợ Quỹ trồng cây xanh cho các đơn vị, địa phương trên địa bàn các xã
(Kèm theo Công văn số:QBVMTR – NV ngày.....tháng 12 năm 2025 của Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai)

STT	Địa phương	Loài cây		Số lượng
		Sao đen	Lim xanh	
Tổng cộng		51.123	22.847	73.970
I	Xã Ba Vinh	38.620	14.070	52.690
Thôn Cao Muôn		1.950		1.950
1	Phạm Văn Liệt	300		300
2	Phạm Văn Úi	200		200
3	Phạm Văn Linh	300		300
4	Phạm Văn Vát	300		300
5	Phạm Văn Khú	300		300
6	Phạm Văn Yên	250		250
7	Phạm Văn Trù	300		300
Thôn Làng Huy		2.050		2.050
1	Phạm Văn Để	200		200
2	Phạm Văn Đại	200		200
3	Phạm Văn Thau	300		300
4	Phạm Văn Đơn	200		200
5	Phạm Văn Sơn	200		200
6	Phạm Văn Ba	200		200
7	Phạm Văn Chế	200		200
8	Phạm Văn Thê	250		250
9	Phạm Văn Ổi	300		300
Thôn Nước Lui		2.500	100	2.600
1	Phạm Văn Rập	100	100	200
2	Phạm Văn Ương	300		300
3	Phạm Thị Ếch	300		300
4	Phạm Thị Cha	300		300
5	Phạm Văn Rỷ	300		300
6	Phạm Văn Khanh	300		300
7	Phạm Văn Đơn	300		300
8	Phạm Văn Thác	300		300
9	Phạm Thi Hóa	300		300
Thôn Nước Y		3.500	500	4.000
1	Phạm Văn Đệ	200		200
2	Phạm Văn Mừng	250		250
3	Phạm Văn Qua	300		300
4	Phạm Văn Cầm	150	150	300
5	Phạm Văn Hàng	300		300
6	Phạm Văn Ép	300		300
7	Phạm Văn Thịnh	300		300
8	Phạm Ngọc Dương	300		300

STT	Địa phương	Loài cây		Số lượng
		Sao đen	Lím xanh	
9	Cao Minh Châu	200		200
10	Phạm Văn Hùng	300		300
11	Phạm Văn Nách	300		300
12	Phạm Văn Nho	150	150	300
13	Phạm Văn Anh	250		250
14	Lê Văn Thanh	100	100	200
15	Phạm Văn Lam	100	100	200
Thôn Phân Vinh		2.275	525	2.800
1	Phạm Văn Thốt	100	100	200
2	Phạm Văn Theo	100	100	200
3	Phạm Văn Lo	250		250
4	Phạm Văn Chung	300		300
5	Phạm Văn É	300		300
6	Phạm Văn Klế	125	125	250
7	Phạm Văn Thon	200		200
8	Phạm Văn Rỏi	100	100	200
9	Phạm Văn Hoa	250		250
10	Phạm Văn Chia	200		200
11	Phạm Văn Lễ	250		250
12	Phạm Thị Nhu	100	100	200
Thôn Hóc Đô		975	225	1.200
1	Phạm Văn Rêu	125	125	250
2	Phạm Văn Tiến	200		200
3	Phạm Văn xa	250		250
4	Phạm Văn Huyền	300		300
5	Phạm Văn Nga	100	100	200
Thôn Ba Lang		7.440	6.940	14.380
1	Phạm Văn Mía	150	150	300
2	Phạm Văn Khanh	150	150	300
3	Phạm Văn Kít	130	130	260
4	Phạm Văn Đom	300		300
5	Phạm Văn Láy	130	130	260
6	Phạm Văn Nhĩ	150	150	300
7	Phạm Văn Mạnh	300		300
8	Phạm Văn Hách	300		300
9	Phạm Thị Huýnh	150	150	300
10	Phạm Văn A	130	130	260
11	Phạm Văn Vun	150	150	300
12	Phạm Văn Chương	150	150	300
13	Phạm Văn Nghe	100	100	200
14	Phạm Văn Ven	200	50	250
15	Phạm Văn Đợi		200	200
16	Phạm Văn Thía	50	200	250

STT	Địa phương	Loài cây		Số lượng
		Sao đen	Lím xanh	
17	Phạm Văn Sót	50	200	250
18	Phạm Văn Thuông	150	150	300
19	Phạm Văn Đích	150	150	300
20	Phạm Văn Đênh	150	150	300
21	Phạm Văn Pẹ	100	100	200
22	Phạm Thị Sơn	150	150	300
23	Phạm Văn Sương	100	100	200
24	Phạm Văn Ốch	100	100	200
25	Phạm Văn Đeo	100	100	200
26	Phạm Văn Lê	300		300
27	Phạm Văn Rốt	100	100	200
28	Phạm Văn Sắp	150	150	300
29	Phạm Văn Xơ	150	150	300
30	Phạm Văn Cát	150	150	300
31	Phạm Văn Ly		200	200
32	Phạm Văn Đoa	100	100	200
33	Phạm Văn Diện	125	125	250
34	Phạm Văn Đen	100	100	200
35	Phạm Văn Thọ	150	150	300
36	Phạm Văn Len	150	150	300
37	Phạm Văn Thịnh	100	100	200
38	Phạm Văn Xương	150	150	300
39	Phạm Văn Đệ	150	150	300
40	Phạm Văn Thối	150	150	300
41	Phạm Văn Lực	150	150	300
42	Phạm Văn Thóa	150	150	300
43	Phạm Văn Heo	100	100	200
44	Phạm Văn Tâm	100	100	200
45	Phạm Văn Xung	150	150	300
46	Phạm Văn Tha	150	100	250
47	Phạm Văn Ve	150	150	300
48	Phạm Văn Thi	150	150	300
49	Phạm Văn Mây	125	125	250
50	Phạm Văn Thêu	150	150	300
51	Phạm Văn Thúi	150	150	300
52	Phạm Văn Á		200	200
53	Phạm Văn Thịnh	150	150	300
54	Phạm Văn Nghiệp	150	150	300
Thôn Ba Sơn		8.625	4.275	12.900
1	Phạm Văn Sang	300		300
2	Phạm Văn Krép	250		250
3	Phạm Văn Quyết	300		300
4	Phạm Văn Kriu	250		250

STT	Địa phương	Loài cây		Số lượng
		Sao đen	Lím xanh	
5	Phạm Văn Yếu	300		300
6	Phạm Văn Thành (A)	150	150	300
7	Phạm Văn Ấy	100	100	200
8	Phạm Thị Lan	150	150	300
9	Phạm Văn Min	300		300
10	Phạm Văn U	300		300
11	Phạm Văn Chum	300		300
12	Phạm Văn Ôn (A)	300		300
13	Phạm Văn Ghin	150	150	300
14	Phạm Văn Rôm	100	100	200
15	Phạm Văn Chân	150	150	300
16	Phạm Văn Công	150	150	300
17	Phạm Văn Đanh	125	125	250
18	Phạm Văn Nang	150	150	300
19	Phạm Văn Dòn	250		250
20	Phạm Văn Ấy	300		300
21	Phạm Văn Y(A)	300		300
22	Phạm Văn Sơn	300		300
23	Phạm Văn Ên	100	100	200
24	Phạm Văn Nai	100	100	200
25	Phạm Văn Gam	150	150	300
26	Phạm Văn Xoa	150	150	300
27	Phạm Văn Minh	100	100	200
28	Phạm Văn Klốt	200		200
29	Phạm Văn Xanh (B)	150	150	300
30	Phạm Văn Quên	150	150	300
31	Phạm Văn Thọ	150	150	300
32	Phạm Văn Ôn (Kê)	150	150	300
33	Phạm Văn Đắp	200		200
34	Phạm Văn Hóa	100	100	200
35	Phạm Văn Phít	150	150	300
36	Phạm Thị Lé	100	100	200
37	Phạm Văn Prê	100	100	200
38	Phạm Văn Hèo	100	100	200
39	Phạm Văn Nhít (A)	100	100	200
40	Phạm Văn Ết (A)	100	100	200
41	Phạm Văn Dách	100	100	200
42	Phạm Văn đin	150	150	300
43	Phạm Văn châu	150	150	300
44	Phạm Văn lâm	100	100	200
45	Phạm Văn hai	150	150	300
46	Phạm Văn hải	100	100	200
47	Phạm Văn thanh (b)	100	100	200

STT	Địa phương	Loài cây		Số lượng
		Sao đen	Lím xanh	
48	Phạm Văn thôi	100	100	200
49	Phạm Văn náy	150	150	300
50	Phạm Văn The	200		200
Thôn Làng Rêu		900	300	1200
1	Phạm Văn Ớt		300	300
2	Phạm Văn Đùn	300		300
3	Phạm Văn Đách	300		300
4	Phạm Văn Xơ	300		300
Thôn Gò Nghênh		575	575	1.150
1	Phạm Văn Ước	100	100	200
2	Phạm Văn Bút	100	100	200
3	Phạm Thị Trang	100	100	200
4	Phạm Văn Brup	125	125	250
5	Phạm Thị Nhé	150	150	300
Thôn Nước Nẻ		7.530	630	8.160
1	Phạm Văn An	300		300
2	Phạm Văn Tang	200		200
3	Phạm Văn Xấy	250		250
4	Phạm Văn Ới	300		300
5	Phạm Văn Nôn	300		300
6	Phạm Văn Nganh	300		300
7	Phạm Văn Cháy	300		300
8	Phạm Văn Kỳ		200	200
9	Phạm Văn Lâm	300		300
10	Phạm Văn Cho	300		300
11	Phạm Văn Hó	200		200
12	Phạm Văn Xới	200		200
13	Phạm Văn Nam	200		200
14	Phạm Văn Long	300		300
15	Phạm Văn Nảy	300		300
16	Phạm Văn Ương	250		250
17	Phạm Văn De	150	150	300
18	Phạm Văn Rom	200		200
19	Phạm Văn Lách	300		300
20	Phạm Văn Đen	200		200
21	Phạm Văn Chanh	300		300
22	Phạm Văn Nhung	200		200
23	Phạm Văn Nhít	250		250
24	Phạm Văn Hiên	200		200
25	Phạm Văn Huyền	130	130	260
26	Phạm Văn Điết	250		250
27	Phạm Văn Biên	150	150	300
28	Phạm Văn Ngang	200		200

STT	Địa phương	Loài cây		Số lượng
		Sao đen	Lím xanh	
29	Phạm Văn Bích	200		200
30	Phạm Văn Rang	200		200
31	Phạm Văn Ấy	300		300
32	Phạm Văn Kĩ	300		300
Thôn Làng Tương		300		300
1	Phạm Văn Oì	300		300
II	Xã Ba Đình	3.908	3.261	7.169
1	Đình Xuân Hòa	678	192	870
2	Phạm Văn Mai	-	75	75
3	Phạm Văn Bầy	678	191	869
4	Phạm Văn Ích	100	50	150
5	Phạm Văn Đôn	50		50
6	Phạm Văn Thang	60		60
7	Phạm Văn Minh	80		80
8	Phạm Thị Châm	100		100
9	Phạm Văn Ghúi	100	50	150
10	Phạm Văn Diếc	678	191	869
11	Phạm Văn Công		150	150
12	Phạm Văn Tiêu	700		700
13	Phạm Văn Quỳnh		70	70
14	Phạm Văn Mệt		700	700
15	Phạm Thanh Tra	684	192	876
16	Phạm Văn Phương		100	100
17	Phạm Văn Phiên		50	50
18	Phạm Văn Hiệp		50	50
19	Phạm Văn Phụng		50	50
20	Phạm Văn Phối		50	50
21	Phạm Văn Chánh		100	100
22	Phạm Văn Tâm		50	50
23	Phạm Văn Sy		50	50
24	Phạm Văn Tánh		700	700
25	Phạm Văn Chia		100	100
26	Phạm Văn Mít		100	100
III	Xã Trà Giang	4.345	1.541	5.886
A	Hộ gia đình	3.995	1.291	5.286
1	Phạm Đức Quang	500	500	1.000
2	Phạm Văn Tre ⁽²⁾	678	691	1.369
3	Phạm Văn Sương	100	100	200
4	Phạm Thị Se	200		200
5	Phạm Văn Quyền	200		200

⁽²⁾ Hộ gia đình Phạm Văn Ôn chuyển sang hộ gia đình Phạm Văn Tre theo Văn bản 1510/UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Trà Giang về việc thay đổi hộ dân nhận cây giống hỗ trợ để trồng cây phân tán năm 2025 trên địa bàn xã Trà Giang từ nguồn tài trợ Quỹ trồng cây xanh.

STT	Địa phương	Loài cây		Số lượng
		Sao đen	Lím xanh	
6	Phạm Văn Sơn	200		200
7	Phạm Văn Triều	150		150
8	Phạm Văn Nuôi	600		600
9	Lê Quan Quyền	667		667
10	Phạm Văn Đồng	600		600
11	Phạm Văn Siêng	100		100
B	Cộng đồng dân cư thôn	350	250	600
1	CĐ DC thôn 2	100		100
2	CĐ DC thôn An Tân	250	250	500
IV	Xã Sơn Tây Hạ	1.000	3.000	4.000
1	UBND xã Sơn Tây Hạ	1.000	3.000	4.000
V	Xã Sơn Hà	2.300		2.300
A	Hộ gia đình	800	-	800
1	Đỗ Văn Sắc	600	-	600
2	Đinh Văn Thung	200	-	200
B	Cộng đồng dân cư	1.500	-	1.500
1	CĐDC Thôn Nước Tang	1.500	-	1.500
VI	Xã Mỏ Cày	50	300	350
A	Hộ gia đình		300	300
1	Nguyễn Hữu Thạnh		300	300
B	Cộng đồng dân cư thôn	50	-	50
1	Thôn 1	30	-	30
2	Thôn 2	20		20
VII	Xã Đình Cường	180	65	245
A	Hộ gia đình	120	15	135
1	Đặng Ngọc Quất	40	-	40
2	Nguyễn Công Thạnh	15	15	30
3	Phan Trung Ấn	15	-	15
4	Đặng Ngọc Bồ	50	-	50
B	Cộng đồng dân cư thôn	50	50	100
1	Thôn Kỳ Thọ Nam 1	50	50	100
C	Tổ chức	10		10
1	Trường THCS Nguyễn Kim Vang	10		10
VIII	Xã Nghiêm Nghiêm	700	300	1000
1	Trung đoàn 93	300		300
2	Sư đoàn 307	400	300	700
IX	Xã Ba Tơ			
IX	Xã Ba Tơ	20	10	30
1	Trường PTDTNT THCS Ba Tơ	10	10	20
2	Trường TH&THCS Ba Chùa	10		10
X	Xã Bình Chương		300	300
1	Trường TH&THCS Bình Chương		200	200
2	UBND xã Bình Chương		100	100

Phụ lục số 02. Kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo vệ

(Kèm theo Công văn số:QBVMTR – NV ngày.....tháng 12 năm 2025 của Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai)

a) Chuẩn bị hố trồng và bón phân

- Hố trồng phải được đào trước 15-30 ngày; hố được bố trí so le nhau theo hàng (*hình nanh sấu*). Khi đào hố, cần phân loại đất: Đất mặt tơi xốp để riêng một bên; đất phía dưới hố để riêng một bên.

- Kích thước hố: Từ 40 cm x 40 cm x 40 cm.

- Khoảng cách hố từ 4-8 m.

- Lấp hố: Đưa phần đất mặt tơi xốp trộn với phân bón lót xuống đáy hố cùng với thảm mục và phần đất mặt xung quanh hố, đất dưới đáy hố lên phía trên, lấp đầy gần ngang miệng hố.

- Bón phân

+ Bón lót phân NPK từ 0,2-0,3 kg/hố hoặc từ 0,3-0,5 kg/hố đối với phân vi sinh.

+ Cách bón: Kết hợp với lúc lấp hố, phân được trộn đều với phần đất ở 1/3 phía dưới hố trồng.

+ Thời điểm bón lót và lấp hố: Trước khi trồng từ 07-10 ngày.

- Ở những khu vực có mối gây hại, cần có biện pháp xử lý triệt để trước khi trồng.

b) Vận chuyển cây giống

- Tưới đủ ẩm cho cây trước 01 ngày khi bốc xếp.

- Khi vận chuyển, tránh làm vỡ bầu, gãy ngọn, dập nát cây giống.

- Cây cần được trồng ngay trong ngày sau khi vận chuyển.

- Bảo quản cây giống: Nếu chưa trồng ngay, cần để cây ở nơi râm mát, tưới nước đầy đủ để giữ ẩm và bảo vệ khỏi gia súc.

c) Kỹ thuật trồng cây

- Thời điểm trồng

+ Trồng vào những ngày râm mát, có mưa nhỏ hoặc nắng nhẹ.

+ Tránh trồng vào ngày nắng gắt ($>30^{\circ}\text{C}$) hoặc khi có gió bão.

- Kỹ thuật trồng

+ Đào hố rộng hơn kích thước bầu để tạo điều kiện cho rễ phát triển.

+ Xé bỏ bầu PE trước khi trồng (*nếu là bầu PE*). Đối với bầu tự hoại, có thể để nguyên.

+ Đặt cây thẳng đứng giữa hố, lấp đất cao hơn cổ rễ 1-2 cm, lèn chặt đất quanh bầu để tránh vỡ bầu.

+ Thu dọn vỏ bầu sau khi trồng để đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Cọc chống cây

+ Sử dụng cọc gỗ, tre hoặc nứa có đường kính 1,5-2,0 cm, dài 0,5-0,7 m (*tùy theo chiều cao của cây giống thì cọc chống có thể dài hơn*).

+ Buộc cọc vào thân cây, cách gốc khoảng 1/3 chiều cao cây, tạo góc 30-40° để chống đổ.

+ Cọc chỉ dùng cho cây có chiều cao từ 1,0 m trở lên.

- Tưới nước

- + Tưới đẫm nước xung quanh gốc ngay sau khi trồng.
- + Không để nước tràn ra ngoài hố trồng.

d) Chăm sóc cây trồng

- Sau khi trồng 30 ngày, tiến hành kiểm tra tỷ lệ cây sống và trồng dặm nếu cần.
- Chăm sóc cây trong 3-5 năm đầu.
- Các công việc chăm sóc:
 - + Xới đất, vun gốc: Đường kính 60-80 cm, sâu 4-5 cm.
 - + Bón phân thúc: 100-300g NPK/cây, bón theo rạch đất.
 - + Tỉa thân: Chỉ để 1 thân chính, loại bỏ thân phụ.
 - + Cắt tỉa cành: Thực hiện trước mùa mưa bão.
 - + Cây non: Tỉa cành lệch tán vào năm thứ 2, tiếp tục cắt tỉa định kỳ những năm sau.

- Việc chăm sóc, cắt tỉa cây phải tuân thủ quy trình kỹ thuật đồng thời phải có biện pháp đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và công trình.

đ) Bảo vệ cây trồng

- Cây trồng cần được kiểm tra, bảo vệ thường xuyên, kịp thời ngăn chặn gia súc phá hoại.
- Phòng, chống sâu bệnh
 - + Theo dõi tình hình sâu bệnh, đặc biệt là mối và đế khi cây còn non.
 - + Khi phát hiện sâu bệnh, xử lý theo hướng dẫn kỹ thuật chuyên ngành

Phụ lục số 03: Báo cáo kết quả thực hiện
(Kèm theo Công văn số:QBVMTR – NV ngày.....tháng 12 năm 2025 của
Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai).

ĐƠN VỊ THI CÔNG
(Hoặc UBND xã...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Trồng cây phân tán năm 2025 từ nguồn tài trợ Quỹ trồng cây xanh

Thực hiện Công văn số...../QBVMTR-NV ngày tháng 12 năm 2025 Về việc thực hiện trồng cây phân tán năm 2025 từ nguồn tài trợ Quỹ trồng cây xanh cho các đơn vị, địa phương. Đơn vị thi công (hoặc UBND xã...) báo cáo kết quả thực hiện trồng cây phân tán năm 2025 từ nguồn tài trợ Quỹ trồng cây xanh như sau:

1. Tổng số lượng cây đã nhận:

Cây Sao đen:.....cây;

Cây Lim xanh:.....cây.

2. Kết quả thực hiện.

a) Đã trồng:.....cây; trong đó:

Cây Sao đen:.....cây;

Cây Lim xanh:.....cây.

b) Vị trí trồng cây:

c) Số cây sống, tỷ lệ sống (%):

Cây Sao đen:.....cây;

Cây Lim xanh:.....cây.

d) Số cây chết, tỷ lệ chết (%).

Cây Sao đen:.....cây;

Cây Lim xanh:.....cây.

e) Nguyên nhân cây chết (hạn hán, sâu bệnh, bị phá hoại, v.v.).

.....

.....

.....

f) Đánh giá chung về sự phát triển của cây:

.....

.....

.....

3. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và PCTT;

- UBND xã.....;

- Hạt Kiểm lâm khu vực.....;

- Lưu: Đơn vị báo cáo.

....., ngày.....tháng năm.....

NGƯỜI KÝ

(Ký, họ và tên, đóng dấu)